TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 313/2022/DS-PT
Ngày: 08-12-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Hồng Vân.

Các thẩm phán:

1. Bà Trương Thị Tuyền;

2. Ông Nguyễn Văn Bình.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Nguyệt Ánh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 330/2022/TLPT-DS ngày 18 tháng 10 năm 2022, về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2021/DS-ST ngày 22-8- 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 305/2022/QĐ-PT ngày 24 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Gi, sinh năm 1956; nơi cư trú: Ấp Long Ch, xã Long Kh, huyện B, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Bùi Thị Gi là: Ông Nguyễn Minh S, sinh năm 1985; nơi cư trú: Khu phố 1, phường Long H, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản uỷ quyền ngày 27-4-2021); có mặt.

2. Bị đơn: Bà Trịnh Thị L, sinh năm 1949; nơi cư trú: Ấp Long Cường, xã Long Kh, huyện B, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Trịnh Thị L là: Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1960; nơi cư trú: Khu phố 4, phường 2, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản uỷ quyền ngày 02-02-2021); có mặt.

3. Người kháng cáo: Bà Bùi Thị Gi là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19-01-2021 và trong quá trình làm việc nguyên đơn là bà Bùi Thị Gi và đại diện theo ủy quyền của bà Gi là ông Nguyễn Minh S trình bày:

Bà và bà Trịnh Thị L quen biết nhau do cùng địa phương hai bên thường xuyên vay tiền qua lại để kinh doanh buôn bán thuốc nam. Ngày 23-8-2019, bà có vay của bà L số tiền 270.000.000 đồng để mua bán cây thuốc nam. Mỗi tháng bà góp tiền lãi và tiền vốn 5.000.000 đồng cứ như vậy cho đến hết khoảng tiền trên. Tuy nhiên, bà không thực hiện như cam kết. Ngày 19-12-2019, bà L khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền 270.000.000 đồng cho bà L, bà đã bán 01 phần đất và thuốc nam để giải quyết số nợ 270.000.000 đồng cho bà L. Khi đó bà L nói đang cần tiền để cho người khác vay đáo hạn ngân hàng nếu có tiền thì đưa cho bà L cho vay để lấy tiền lời, còn số tiền 270.000.000 đồng bà L sẽ rút đơn kiện lại và không tính tiền lãi. Ngày 17-01-2020, bà đưa tiền cho bà L số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng) để bà L cho vay lấy tiền lời hàng tháng. Khi cho bà L vay tiền bà có làm "Giấy mượn tiền ngày 17-01-2020" cho bà L ký tên bên "người nhận". Đến tháng 02-2020 bà đến lấy tiền lời thì bà L không đưa mà yêu cầu bà cấn trừ số tiền 270.000.000 đồng đang khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh, nhưng vì khi chuyển vật dụng, đồ đạc trong nhà bà không nhớ để giấy mượn tiền ở đâu nên đã đồng ý thỏa thuận trả số tiền 270.000.000 đồng cho bà L. Ngày 09-10-2020, bà tìm được giấy mượn tiền và đến gặp bà L yêu cầu giải quyết, thì bà L không trả mà yêu cầu bà đi kiện bà L. Ngày 19-01-2021 bà khởi kiện yêu cầu bà L trả số tiền 600.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 17-01-2020 đến khi giải quyết xong vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trịnh Thị L và người đại diện theo ủy quyền của bà L là bà Nguyễn Thị L2 đã trình bày:

Do quen biết, bà Bùi Thị Gi có hỏi vay mượn tiền bà L rất nhiều lần. Ngày 23-8-2019 bà L cho bà Gi vay 270.000.000 đồng, bà Gi hứa mỗi tháng trả cho bà 5.000.000 đồng, cho đến khi hết nợ nhưng bà Gi không trả nên ngày 19-12-

2019 bà L đã khởi kiện bà Gi tại Tòa án nhân dân huyện B. Tại quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 05/2020/QĐST-DS ngày: 12-03-2020 của Tòa án nhân dân huyện B đã công nhận sự thỏa thuận của hai bên là bà Bùi Thị Gi có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền 270.000.000 đồng, nhưng đến nay bà Gi vẫn chưa Thi hành số tiền này cho bà L. Ngày 21-01-2021 bà Gi khởi kiện bà đòi số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng) theo "Giấy mượn tiền "ngày 17-01-2020" là vô lý. Bởi vì, ngày 23-8-2019 bà Gi vay của bà L 270.000.000 đồng, ngày: 19-12-2019 bà L kiện bà Gi số tiền này, ngày 12-3-2020 Tòa ra quyết định công nhận sự thỏa thuận giữa bà L và bà Gi, bà Gi có nghĩa vụ trả cho bà 270.000.000 đồng, thì ngày 17-01-2020 vẫn còn trong thời gian giải quyết vụ án tranh chấp 270.000.000 đồng, đang trong quá trình tranh chấp và giải quyết vụ án, các bên mâu thuẫn nhau, nên không có việc bà Gi cho bà L vay tiền. Mặt khác, bà L là người chuyên cho vay và cũng đã cho bà Gi vay tiền nhiều lần nên có thể khi ký giấy nhận lãi của Già đã ký nhầm vào "giấy mượn tiền ngày 17-01-2020" nhưng trên thực tế không có việc bà L vay tiền của bà Gi. Do vậy, bà L không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Gi.

Đối với "Giấy mượn tiền, ngày 17-01-2020" bà L không xác định được chữ ký, chữ viết của bà Trịnh Thị L. Do đó, bà L yêu cầu giám định chữ ký của bà L trong "Giấy mượn tiền, ngày 17-01-2020".

Tại Kết luận số: 3784/C09B, ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận: chữ ký đứng tên Trịnh Thị L, chữ viết họ tên "Trịnh Thị L" dưới mục "người nhận" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết đứng tên Trịnh Thị L trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký ra (BL44) và Kết luận số: 56/KL-KTHS, ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Viện khoa học hình sự của Bộ Công an đã kết luận: chữ ký đứng tên Trịnh Thị L, chữ viết họ tên "Trịnh Thị L" dưới mục "người nhận" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết đứng tên Trịnh Thị L trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký ra (BL 82).

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2022/DS-ST ngày 22-8-2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh. Tuyên xử.

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, khoản 2 Điều 469 Bộ Luật dân sự; Điều 147, Điều 161 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Gi đối với bà Trịnh Thị L.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 05 tháng 9 năm 2022, bà Bùi Thị Gi có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét toàn bộ bản án sơ thẩm xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định pháp luật của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Bùi Thị Gi. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2022/DS-ST ngày 22-8-2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Trịnh Thị L vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm nhưng người đại diện theo ủy quyền của bà L – bà Nguyễn Thị L2 có mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L.

[2] Xét kháng cáo của bà Bùi Thị Gi thấy rằng:

[2.1] Xét "Giấy mượn tiền" ghi ngày 17-01-2020 (BL: 24) do bà Bùi Thị Gi cung cấp có chữ ký và ghi họ tên bà Trịnh Thị L tại vị trí "người nhận". Nội dung "giấy mượn tiền" do bà Gi ghi, thể hiện bà Trịnh Thị L 1949 ngụ ấp Long Cường, xã Long Kh, huyện B, tỉnh Tây Ninh mượn với số tiền là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng). Nội dung không có ghi là mượn của ai, nhưng tại vị trí "người cho mượn tiền" thì bà Bùi Thị Gi có ký tên và ghi họ tên. Giấy mượn tiền không thể hiện về lãi suất, không thế chấp tài sản và không xác định thời hạn trả tiền. Bà L xác định không có vay tiền của bà Gi nên không ký tên vào "giấy mượn tiền" này nên đã yêu cầu giám định chữ ký chữ viết của bà Trịnh Thị L. Tại Kết luận số: 3784/C09B, ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh (BL: 44) và Kết luận số: 56/KL-KTHS, ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Viện khoa học hình sự của Bộ Công an đã kết luận: chữ ký đứng tên Trịnh Thị L, chữ viết họ tên "Trịnh Thị L" dưới mục "người nhận" trên tài liệu cần giám định là do cùng một người ký ra (BL: 82). Bà L không có ý kiến về các kết luận này, tuy nhiên, bà vẫn không thừa nhận việc đã vay mượn tiền của bà Gi, vì bà không có lý do gì để vay tiền của bà

Gi, trong khi bà Gi còn phải thực hiện nghĩa vụ trả cho bà số tiền 270.000.000 đồng. Do ngày 23-8-2019 bà Gi vay của bà L số tiền 270.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận mỗi tháng bà Gi trả cho bà L vừa gốc và lãi là 5.000.000 đồng nhưng bà Gi không trả. Ngày 19-12-2019 bà L kiện đòi bà Gi số tiền 270.000.000 đồng. Ngày 12-3-2020 Tòa án nhân dân huyện B đã ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của hai bên theo đó bà Gi có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền 270.000.000 đồng, đến nay bà Gi vẫn chưa thi hành. Nhưng ngày 17-01-2020 thì có "giấy mượn tiền" của bà Trịnh Thị L ký nhận số tiền 600.000.000 đồng theo "Giấy mượn tiền" ghi ngày 17-01-2020 (BL: 24). Cho thấy giấy mượn tiền này được xác lập trong khoảng thời gian đang giải quyết tranh chấp giữa bà L với bà Gi đối với số tiền 270.000.000 đồng mà bà Gi đang nợ bà L, nhưng đến nay bà Gi vẫn chưa thi hành án. Ngoài "giấy mượn tiền, ngày 17-01-2020" thì bà Gi không cung cấp thêm được tài liệu chứng cứ gì khác chứng minh cho việc giao, nhận tiền, không chứng minh được về khoản thu nhập của bà Gi tại thời điểm cho bà L vay số tiền 600.000.000 đồng.

[2.2] Bà Gi và người đại diện bà Gi trình bày nguồn tiền 600.000.000 đồng cho bà L mượn là tiền từ chuyển nhượng đất cho người khác và tiền bán thuốc nam. Tuy nhiên, lời khai của người nhận chuyển nhượng nhà, đất của bà Gi là ông Dương Văn T, bà Nguyễn Thị H thì bà Bùi Thị Gi và ông Lâm Văn Đ đã chuyển nhượng phần đất đứng tên theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02505 và CH02506 cùng ngày 24/121/2014 cho ông T, bà H nhưng ông T, bà H không nhớ ngày nào, sau đó ông T, bà H chuyển nhượng cho ông Trương Đức Th vào ngày 06/8/2019 (điều chỉnh trang 3) trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất bà Bùi Thị Gi và ông Lâm Văn Đ đứng tên chuyển nhượng trước ngày bà Gi vay tiền của bà L 270.000.000 đồng (ngày 23/8/2019).

[3] Mặt khác, tại biên bản lấy lời khai bà Gi ngày 03-4-2019 (BL: 138) trong hồ sơ "tranh chấp hợp đồng tín dụng" giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín khởi kiện bà Bùi Thị Gi yêu cầu bà Gi trả tiền vay số tiền 514.061.197 đồng. Bà Gi xác định bà Gi không có tiền xin Ngân hàng cho trả trước 250.000.000 đồng, số tiền còn lại xin trả dần 50.000.000 đồng vào ngày 25/5/2019, trả đến ngày 25/9/2019 dứt điểm. Kết quả xác minh Cơ quan Thi hành án dân sự huyện B ngày 24/5/2022 xác định bà Gi đang phải thi hành án theo Quyết định số 05/2020/QĐST-DS ngày 12/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện B, có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền gốc 270.000.000 đồng nhưng vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ này vì không có tài sản thi hành án (BL: 99).

[4] Tuy nhiên, bà Gi đã xác định, khi xảy ra tranh chấp số tiền 270.000.000 đồng thì bà và bà L không còn qua lại với nhau. Nhưng bà Gi trình bày: "Bà L

đến nhà tôi tại Ấp Long Ch mượn số tiền 600.000.000 đồng" (BL: 112, 113) "Do di chuyển đồ đạc trong nhà tôi không nhớ để giấy mượn tiền". Bà Gi và người đại diện bà Gi đều trình bày việc cho mượn tiền tại nhà bà Gi, sau đó do bán nhà nên di chuyển đồ làm thất lạc giấy cho mượn tiền nên không khấu trừ số tiền bà Gi nợ bà L 270.000.000 đồng bà L đang kiện. Nhưng thực tế bà Gi và ông Đặng chỉ chuyển nhượng duy nhất nhà và đất cho ông T, bà H ngày 06/8/2019 là trước thời điểm vay tiền bà L và trước ngày 17/01/2020 là 05 tháng. Ngoài phần đất chuyển nhượng cho ông T, bà H ra bà Gi, ông Đặng không còn chuyển nhượng cho ai phần nhà đất nào khác. Sau khi chuyển nhượng nhà, đất thì bà Gi về sống cùng với người cháu, ngụ cùng Ấp Long Ch (BL: 86, 87, 98). Do đó, có cơ sở xác định sau khi bà L khởi kiện bà Gi ngày 19/12/2019 bà L và bà Gi không còn qua lại với nhau, bà Gi bán nhà đất trước khi bà Gi vay tiền bà L.

[5] Về việc cho vay tiền: Trong đơn khởi kiện ngày 19/01/2021 bà Gi trình bày "Tôi bán đất và thuốc nam được và đến gặp bà L để giải quyết số nợ 270.000.000 đồng" (BL: 01), nhưng tại Biên bản ghi lời khai ngày 09/6/2022 bà Gi trình bày: "Đến ngày 17/01/2020 bà L đến nhà tôi tại Ấp Long Ch mượn số tiền 600.000.000 đồng". Còn người đại diện bà Gi trình bày "Bà Gi đến gặp bà L để giải quyết số nợ 270.000.000 đồng" (BL: 25). Người đại diện bà Gi trình bày "Ngày 17/01/2020 bà Gi có kêu bà L đến nhà để trả số tiền 270.000.000 đồng" (BL: 63, 64).

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Gi trình bày bà chưa trả cho bà L số tiền 270.000.000 đồng mà bà thiếu bà L, bà cho bà L mượn số tiền 600.000.000 đồng trước khi bà L kiện bà. Nhưng bà L kiện bà Gi ngày 25/3/2019 và Tòa án mời bà Gi lấy lời khai ngày 03/4/2019 (BL: 138).

Do lời khai của bà Gi mâu thuẫn, không thống nhất và không hợp lệ. Nên cấp sơ thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Gi đối với bà L là có căn cứ. Bà Gi kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có cơ sở chấp nhận.

[6] Từ những nhận định trên, không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của bà Bùi Thị Gi. Chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 32/2022/DS-ST ngày 22-8-2022 của Tòa án nhân huyện B, tỉnh Tây Ninh.

[7] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và

sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Bùi Thị Gi là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[8] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, khoản 2 Điều 469 Bộ Luật dân sự; Điều 147, Điều 161 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Bùi Thị Gi.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 32/2022/DS-ST ngày 22-8-2022, của Tòa án nhân huyện B, tỉnh Tây Ninh.

3. Không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Bùi Thị Gi đối với bà Trịnh Thị L về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

4. Về án phí: Bà Bùi Thị Gi được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

5. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV&THA;
- VKSND huyện B;
- C.c THADS huyện B;
- Những người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Phạm Thị Hồng Vân